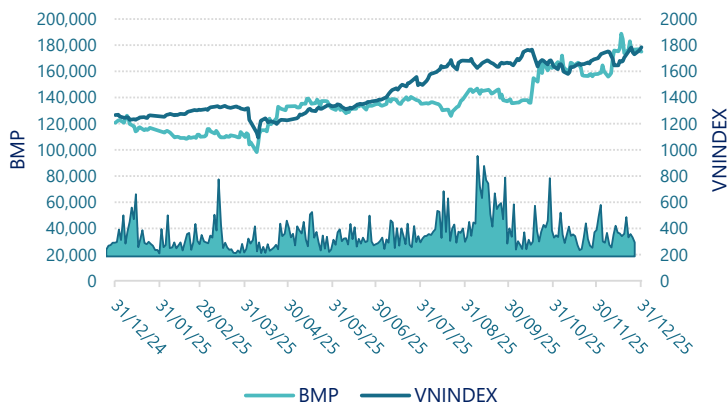




CTCP Nhựa Bình Minh (HSX: BMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	175,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	188,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	98,272
SL cổ phiếu LH	81,860,938
KLGD BQ 20 phiên (CP)	190,025
% sở hữu nước ngoài	84.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,326
P/E	11.7
EPS	15,010

DT thuần

Q4/25

1,286

tỷ VNĐ

QoQ: ▼246 | -16.1%

YoY: ▲ 233 | 22.1%

LN sau thuế

Q4/25

261

tỷ VNĐ

QoQ: ▼90.0 | -25.5%

YoY: ▲ 30.0 | 13.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

27.9%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

2025

5,510

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 894 | 19.4%

LN sau thuế

2025

1,229

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 238 | 24.0%

ROE

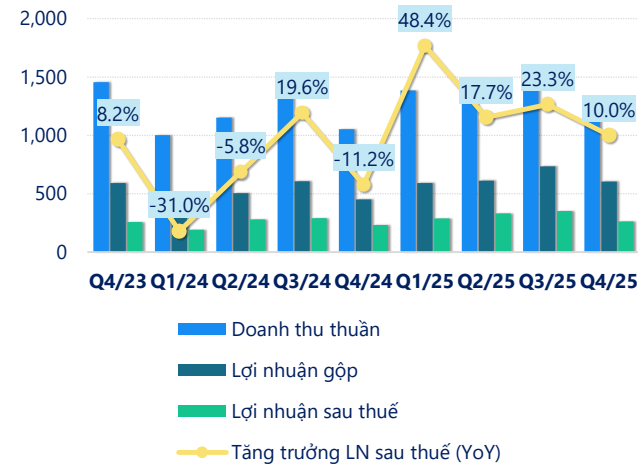
2025

44.0%

+/- YoY: ▲ 7.3%

tỷ VNĐ

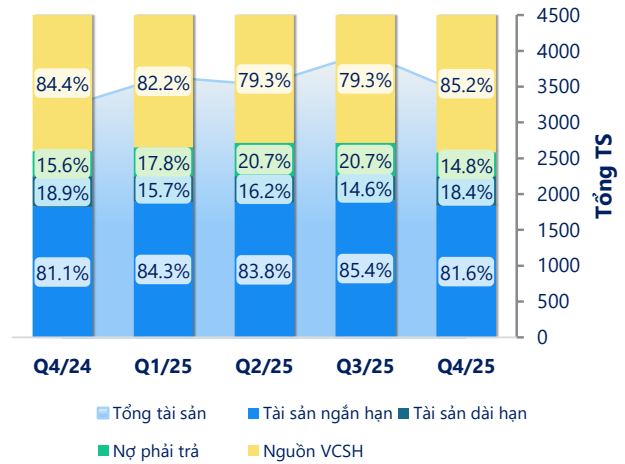
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

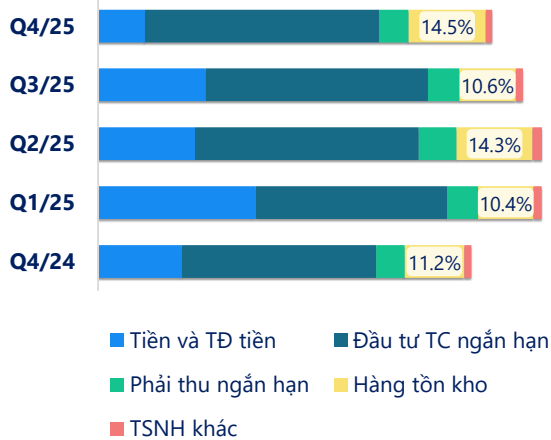
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



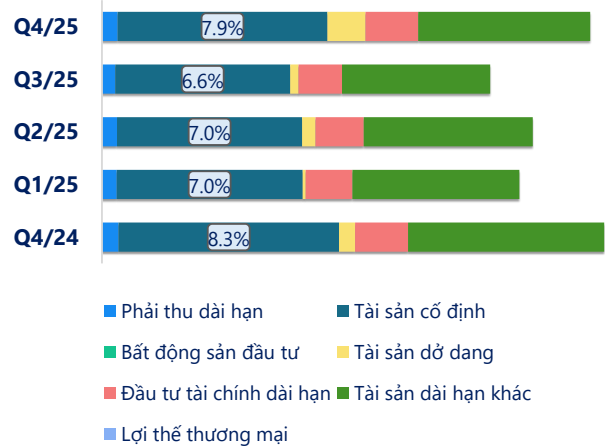
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

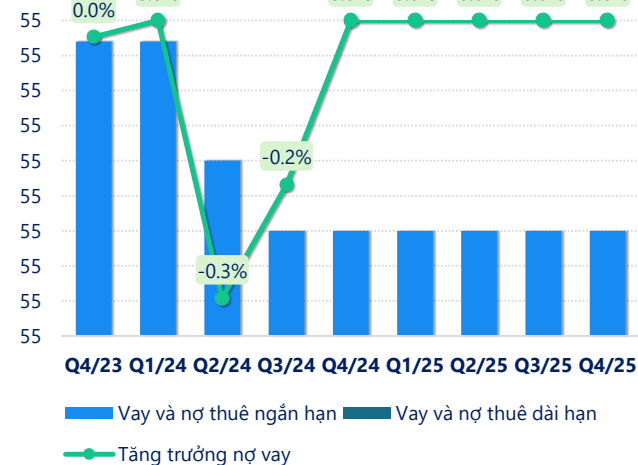
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

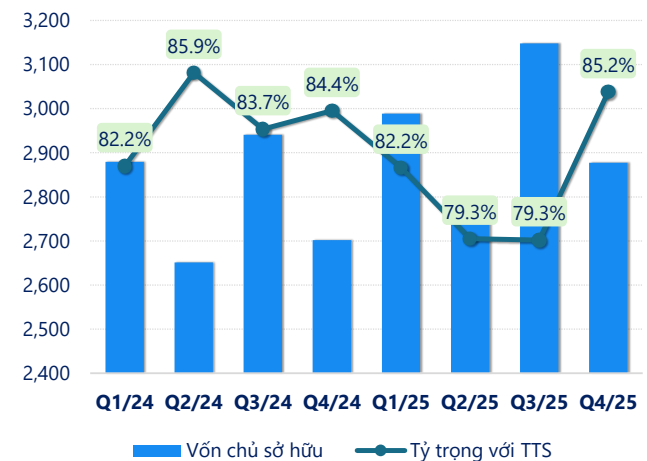
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

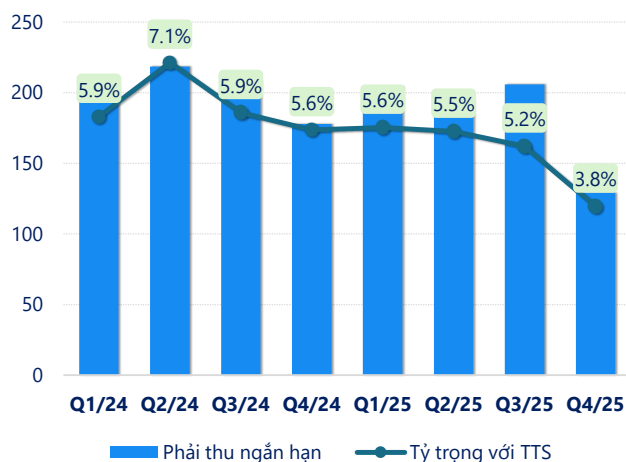
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



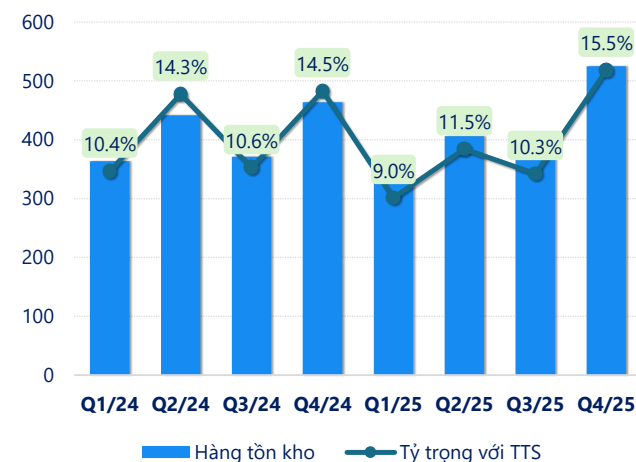
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


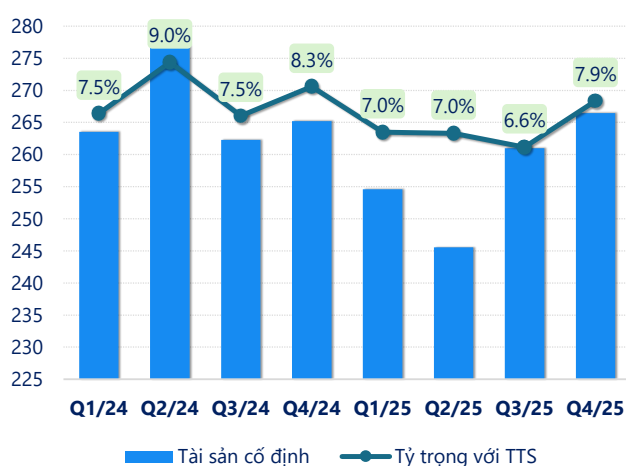
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


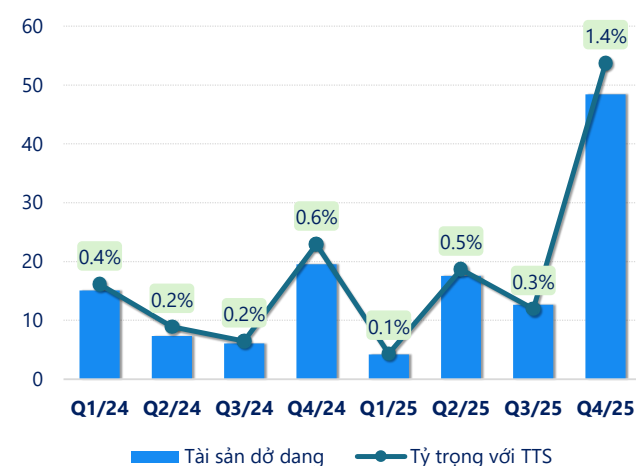
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

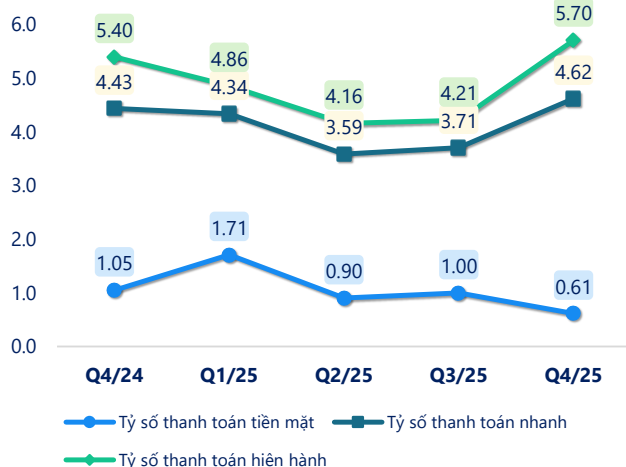
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

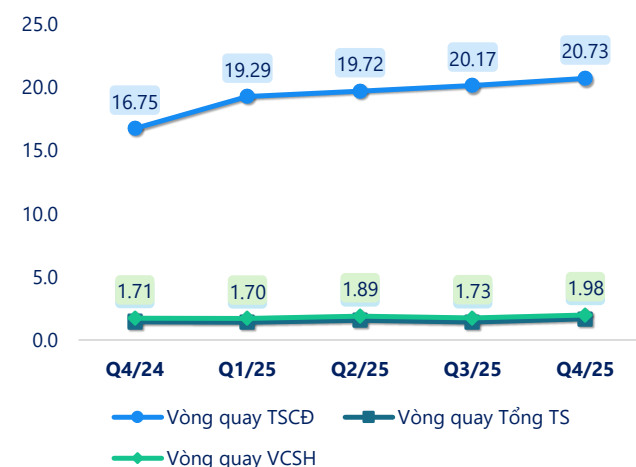
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,200	3,637	3,526	3,971	3,379
Tài sản ngắn hạn	2,596	3,066	2,955	3,391	2,758
Tiền và tương đương tiền	504	1,078	641	803	297
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,410	1,396	1,656	1,930	1,760
Phải thu ngắn hạn	178	204	195	206	129
Hàng tồn kho	464	329	406	408	525
Tài sản ngắn hạn khác	40.6	59.1	56.6	45.2	47.0
Tài sản dài hạn	604	571	571	580	620
Phải thu dài hạn	20.0	20.0	20.0	20.0	20.0
Tài sản cố định	265	255	246	261	266
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	19.6	4.23	17.5	12.7	48.4
Đầu tư tài chính dài hạn	63.8	63.9	64.2	64.7	66.9
Tài sản dài hạn khác	236	228	224	221	219
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	499	649	728	823	501
Nợ ngắn hạn	481	631	711	805	484
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.9	54.9	54.9	54.9	54.9
Phải trả người bán ngắn hạn	172	190	174	174	111
Nợ dài hạn	17.8	17.7	17.5	17.5	17.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,702	2,989	2,798	3,148	2,877
Vốn chủ sở hữu	2,702	2,989	2,798	3,148	2,877
Vốn điều lệ	819	819	819	819	819
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)